Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7314.49.00

Mã HS	7314.49.00
Mô tả hàng hóa	Tấm đan (kể cả đai liền), phên, lưới và rào, làm bằng dây sắt hoặc thép; sản phẩm dạng lưới được tạo hình bằng phương pháp đột dập và kéo giãn thành lưới bằng sắt hoặc thép / - Tấm đan (cloth), phên, lưới và rào khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 22:27:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/73144900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	45	45%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11807
Thuế NK ưu đãi (MFN)	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11807
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11807
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, MM)	0% (trừ KH, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục F)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	16,4	16,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	21	21%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11154
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11097
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11097
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11097
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11097
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11097
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11097
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	30	AJ!E11149
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	30	AJ!F11149
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	30	AJ!G11149

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	30	AJ!H11149
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	30	AJ!I11149
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	30	AJ!J11149
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	30	VJ!E11150
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	30	VJ!F11150
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	30	VJ!G11150
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	30	VJ!H11150
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	30	VJ!I11150
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	30	VJ!J11150
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11153
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11103
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11109
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11109
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11109
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11109
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11109
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11109
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11140
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11140
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11140
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11140
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11140
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11140
VCFTA	2022	2022	5	VC!D11187
VCFTA	2023	2023	3	VC!E11187
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11187

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11187
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11187
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11187
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11172
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11172
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11172
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11172
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11172
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11172
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D11172
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E11172
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F11172
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G11172
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H11172
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I11172
EVFTA	2022	2022	15	EV-NK!D11189
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E11189
EVFTA	2024	2024	5	EV-NK!F11189
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11189
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11189
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11189
UKVFTA	2022	2022	15	UKV!D11188
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E11188
UKVFTA	2024	2024	5	UKV!F11188
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11188
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11188

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11188
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11135
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11135
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11135
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11135
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11135
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11135
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11135
RCEP A	2022	2022	27	RCEPT-A!D11172
RCEP A	2023	2023	24	RCEPT-A!E11172
RCEP A	2024	2024	21	RCEPT-A!F11172
RCEP A	2025	2025	18	RCEPT-A!G11172
RCEP A	2026	2026	15	RCEPT-A!H11172
RCEP A	2027	2027	12	RCEPT-A!I11172
RCEP B	2022	2022	27	B!D11172
RCEP B	2023	2023	24	B!E11172
RCEP B	2024	2024	21	B!F11172
RCEP B	2025	2025	18	B!G11172
RCEP B	2026	2026	15	B!H11172
RCEP B	2027	2027	12	B!I11172
RCEP C	2022	2022	27	C!D11172
RCEP C	2023	2023	24	C!E11172
RCEP C	2024	2024	21	C!F11172
RCEP C	2025	2025	18	C!G11172
RCEP C	2026	2026	15	C!H11172
RCEP C	2027	2027	12	C!I11172

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	27,3	D!D11171
RCEP D	2023	2023	24,5	D!E11171
RCEP D	2024	2024	21,8	D!F11171
RCEP D	2025	2025	19,1	D!G11171
RCEP D	2026	2026	16,4	D!H11171
RCEP D	2027	2027	13,6	D!I11171
RCEP E	2022	2022	27	E!D11175
RCEP E	2023	2023	24	E!E11175
RCEP E	2024	2024	21	E!F11175
RCEP E	2025	2025	18	E!G11175
RCEP E	2026	2026	15	E!H11175
RCEP E	2027	2027	12	E!I11175
RCEP F	2022	2022	27	F!D11172
RCEP F	2023	2023	24	F!E11172
RCEP F	2024	2024	21	F!F11172
RCEP F	2025	2025	18	F!G11172
RCEP F	2026	2026	15	F!H11172
RCEP F	2027	2027	12	F!I11172
VIFTA	2024	2024	27	VI!F10348
VIFTA	2025	2025	24	VI!G10348
VIFTA	2026	2026	21	VI!H10348
VIFTA	2027	2027	18	VI!I10348

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AJCEP 30%, VJEPA 30%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (30%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 30%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7314.49.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 30% của mã 7314.49.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11807), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.